

Bản án số: 199/2024/HS-PT

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hảo;
- **Các Thẩm phán:** Bà Phạm Thị Minh Hiền; Bà Hoàng Thị Hải Hường.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng T - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 199/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Dương Văn H do có kháng cáo của bị đơn dân sự ông Trần Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị cáo:** Họ và tên: Dương Văn H, sinh ngày 19/3/1995; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; bố đẻ: Dương Văn C, sinh năm 1973; mẹ đẻ: Bùi Thị N, sinh năm 1975; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Trần Thị Minh A, sinh năm 1987; bị cáo có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Xin vắng mặt.

- Bị hại:

1. Ông Đào Xuân S, sinh năm 1962, địa chỉ: Số nhà B, ngách F, ngõ C, đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà I, P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà C, đường M, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Chí C1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đào Xuân L, sinh năm 1960, địa chỉ: Số nhà B, ngõ B, đường P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, (có mặt).

- **Bị đơn dân sự kháng cáo:** Ông Trần Văn T2, sinh năm 1976, đại chỉ: Thị tứ B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

+ *Người tham gia tố tụng khác:* Vụ án còn có bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Dương Văn H, sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang có giấy phép lái xe hạng E theo quy định. H lái xe thuê cho anh Trần Văn T2, sinh năm 1976, trú tại thị tứ B, xã B, huyện L từ tháng 5/2022. Anh T2 giao cho H quản lý xe ô tô biển kiểm soát (sau đây viết tắt là BKS) 15B- 019.10 để chở khách và đưa đón công nhân trên địa bàn huyện L đi làm tại khu công nghiệp V thuộc xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 10 giờ 30 ngày 09/4/2023, H điều khiển xe ô tô BKS 15B-019.10 từ cây xăng D1 thuộc thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến xưởng sửa chữa ô tô của anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1989 ở thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang để sửa xe. Đến khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, sau khi sửa xe xong, H điều khiển xe ô tô BKS 15B- 019.10 di chuyển trên đường Q hướng từ thị trấn Đ đi xã B. Trên ô tô chỉ có một mình H, ngoài ra không có ai khác trên xe. Khi đi đến Km 34 + 60 Quốc lộ C đoạn qua địa phận thôn H, xã T, huyện L, H điều khiển xe ô tô đi sau 01 chiếc xe ô tô tải, phía trước chiếc xe ô tô tải này có 01 xe ô tô tải ben. Sau đó, H điều khiển ô tô đi sang phần đường hướng ngược chiều để vượt chiếc xe ô tô tải và xe ô tô tải ben đi phía trước cùng chiều. Khi vượt qua chiếc xe ô tô tải và đi ngang với xe ô tô tải ben thì H quan sát thấy phía trước (hướng ngược chiều) có 01 xe ô tô chở khách BKS 15B- 043.17 (loại xe 29 chỗ ngồi, trên xe có 23 hành khách) do ông Đào Xuân L, sinh năm 1960, trú tại A V, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng điều khiển đi đến. Lúc này, xe của H điều khiển đang đi trên phần đường ngược chiều (bên trái theo chiều đi), do không làm chủ được tốc độ, H đã đánh lái sang bên trái để tránh chiếc xe ô tô do ông L điều khiển nhưng không kịp khiến phần đầu bên phải xe ô tô do H điều khiển đã va chạm với phần đầu bên phải xe ô tô do ông L điều khiển. Hậu quả khiến hai phương tiện (xe ô tô BKS 15B- 043.17 và xe ô tô BKS 15B-019.10) bị hư hỏng, một số hành khách trên xe ô tô BKS 15B- 043.17 bị thương gồm: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955, trú tại số nhà I phủ T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1981, trú tại số nhà C đường M, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; anh Nguyễn Chí C1, sinh năm 1984, trú tại tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Sau đó, H cùng những hành khách trên xe ô tô và người dân có mặt tại hiện trường đưa người bị nạn ra khỏi xe ô tô và đi cấp cứu tại bệnh viện.

Ngay sau khi xảy ra vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường theo quy định.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường: Khám nghiệm hiện trường theo hướng xã B đi thị trấn Đ Trái phải đường được xác định theo hướng khám nghiệm, lấy cột ký hiệu H1/B4 bên trái đường làm mốc chuẩn, lấy mép phải đường làm mép chuẩn.

Hiện trường xảy ra vụ việc tại Quốc lộ C (trong khoảng từ Km 34 đến Km 34+100) thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện L. Đoạn đường thẳng, mặt đường dốc xuống theo hướng xã B đi thị trấn Đ, rộng 6,35 m. Hai bên có lề đường đất đều rộng 1,1 m. Sát lề đường bên phải có rãnh thoát nước (tình trạng khô) bằng đất rộng 1,8m.

Các dấu vết, phương tiện tại hiện trường: 02 xe ô tô khách, ký hiệu lần lượt (1), (8); 01 vết trượt xước, mài trượt bám dính bụi, đất ký hiệu (2); 01 vết mài trượt mặt đường ký hiệu (3); 03 vết mài trượt mặt đường bám dính chất màu đen, ký hiệu lần lượt (4), (9), (10); 01 đám vỡ kính và các mảnh nhựa nhỏ, sơn ký hiệu (5); 02 mảnh kính ký hiệu lần lượt (6), (7); 01 vết trượt xước thành rãnh thoát nước, đập nát cỏ, ký hiệu (T).

Đặc điểm các dấu vết, phương tiện:

- Xe ô tô khách (1) BKS 15B- 043.17 đỗ trên mặt đường, đầu xe hướng thị trấn Đ, đuôi xe hướng xã B, trục bánh sau bên phải cách mép chuẩn 2,2 m, cách mốc chuẩn 29,35 m về phía thị trấn Đ, trục bánh trước bên phải cách mép chuẩn 1,07 m.

- Vết trượt xước, mài trượt mặt đường bám dính bụi đất (2) kích thước (1,2x0,5) m, đầu vết phía xã B cách mép chuẩn 2,63 m, cuối vết phía thị trấn Đ trùng với mặt lăn lớp bánh sau bên phải xe (1) cách mép chuẩn 2,1 m, vết dạng kép, liên tục.

- Vết mài trượt mặt đường (3) kích thước (1,7x0,14) m, đầu vết phía xã B cách mép chuẩn 0,73 m, cuối vết phía thị trấn Đ trùng với mặt lăn lớp bánh trước bên phải xe (1) cách mép chuẩn 1,15 m, vết dạng đơn, liên tục.

- Mảnh kính (6) vỡ hoàn toàn, thay đổi hình dạng, nằm trên mặt đường và lề đường bên phải kích thước (1,975x0,9) m, điểm gần nhất cách trục trước bên phải xe (1) 0,6 m, cách trục bánh sau xe (1) 3,4 m. Trung điểm cạnh bên trái mảnh kính trên mặt đường cách mép chuẩn 0,52 m.

- Đám vỡ kính và các mảnh nhựa nhỏ, sơn (5) kích thước (1,1x0,5) m. Điểm gần nhất cách đầu (4) 0,4 m, cách trục trước bên phải xe (1) là 1,8 m về phía thị trấn Đ, điểm gần nhất phía xã B sát mép chuẩn, điểm xa nhất cách mép chuẩn 0,8 m.

- Mảnh kính (7) vỡ hoàn toàn, thay đổi hình dạng, nằm trên lề đất bên phải và sườn bên trái rãnh thoát nước, kích thước (1,135x1,35) m; góc kính bên trái (phía xã B) sát mép chuẩn, cách trục trước bên phải xe (1) 1,6 m về phía thị trấn Đ; góc kính bên trái (phía thị trấn Đ) trên lề đất cách mép chuẩn 0,4 m.

- Xe ô tô khách (8) đỗ trên mặt đường lề đất bên phải BKS 15B-019.10. Đầu xe phía xã B, đuôi xe phía thị trấn Đ, trục trước bên trái trên mặt đường cách mép chuẩn 1,3 m, cách trục trước bên phải xe (1) 7,5 m về phía thị trấn Đ Trục bánh sau bên trái trên mặt đường cách mép chuẩn 1,52 m.

- Vết mài trượt mặt đường bám dính chất màu đen (9) kích thước (2,78 x 0,15) m. Đầu phía thị trấn Đ cách mép chuẩn 1,4 m, đầu phía xã B cách mép chuẩn 1,1 m, cách trục trước bên trái xe (8) 1,62 m về phía xã B. Vết dạng đơn, liên tục.

- Vết mài trượt mặt đường (10) dạng kép, không liên tục, kích thước (4,85 x 0,47) m. Đầu phía xã B cách mép chuẩn 1,07 m. Đầu phía thị trấn Đ cách mép chuẩn 1,2 m, cách trục sau bên trái xe (8) 0,82 m về phía thị trấn Đ

- Vết trượt xước sườn rãnh thoát nước, dập nát cỏ (T) kích thước (11,94 x 0,7) m. Đầu phía xã B nằm ở sườn bên trái rãnh thoát nước, cách trục trước bên phải xe (1) 2,1 m về phía thị trấn Đ; đầu phía thị trấn Đ trùng với mặt lằn lốp phía sau bên phải xe (8). Đầu phía xã B cách mép chuẩn 1,03 m.

- Trong khu vực từ đầu xe (8) đến trục sau bên phải xe (1) rải rác nhiều mảnh vỡ kính, nhựa, sơn, kim loại, tập trung nhiều ở khu vực quanh dấu vết số (5), mặt đường khu vực này ướt.

- Bên phải rãnh thoát nước cạnh lề đường phải, cách mốc chuẩn 15,3 m về phía thị trấn Đ có biển báo nguy hiểm “Giao nhau với đường không ưu tiên”, “Trẻ em”; dưới có biển phụ 200 m mũi tên hướng về phía Đồi N.

Tạm giữ 02 xe ô tô BKS 15B- 043.17 và xe ô tô BKS 15B- 019.10; 01 giấy phép lái xe hạng D và giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của ông Đào Xuân L (BL 48-50).

* Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Khám nghiệm xe ô tô BKS 15B- 043.17: Bẹp lõm biến dạng kim loại, nứt vỡ nhựa, sơn phần đầu xe phía trên kính chắn gió phía trước chiều hướng từ trước về sau kích thước (1,18 x 0,37)m; Vỡ khuyết toàn bộ kính chắn gió phía trước; Gỡ vỡ rời cần gạt mưa phía trước bên phải; Bẹp lõm, chùn cong toàn bộ phần kim loại đầu xe dưới kính chắn gió chiều hướng từ trước về sau, kích thước (2,1 x 0,9) m. Trong diện này có nhiều vết trượt xước bám dính chất màu đỏ (nghi sơn) từ vị trí cách đầu xe bên trái 40 cm đến góc đầu xe bên phải. Chùn cong, dập vỡ toàn bộ linh kiện, thiết bị phía sau khu vực này; Gãy, vỡ rời 2/3 ba đòn sóc phía trước bên phải, phần còn lại đo được kích thước (80 x 31) cm. Cách đầu ba đòn sóc bên trái 40 cm, cách đất 76 cm có vết dập vỡ nhựa bám dính chất màu đỏ kích thước (5 x 2,5) cm. Tại vị trí mép gãy ba đòn sóc bám dính chất màu đỏ trên diện (24 x 4) cm, cách đất 56 cm; Vỡ khuyết cụm gương chiếu hậu phía trước bên phải cụm đèn pha phía trước bên phải, đèn sương mù phía trước bên phải; Mặt lằn lốp bánh trước bên phải có vết mài trượt cao su ở sát mép phải trên diện (1,1 x 0,6) m; Phần kim loại khung đầu xe phía trước bên phải chùn cong hướng từ sau về trước, từ phải sang trái, đứt rời khỏi khung kim loại cạnh xe bên phải; Vỡ khuyết toàn bộ phần kính ở cạnh xe bên phải, tại các vị trí ô kính thứ 1, 2, 3 (từ trước về sau); Phần kim loại sườn xe bên phải bị bóp méo, biến dạng kích thước (1,2 x 0,8) m; Phần cửa xe bên phải bị bung bật khỏi vị trí cố định; Tại vị trí sàn xe, đầu xe phía trước ghế ngồi trước bên phải bám dính dấu vết màu nâu đỏ dạng loang trên diện (50 x 40) cm (BL 76-77).

Khám nghiệm xe ô tô BKS 15B-019.10: Nứt, vỡ toàn bộ kính chắn gió phía trước bên trái kích thước (1,35 x 1,21) m; Vỡ khuyết toàn bộ kính chắn gió phía trước bên phải; Gãy, vỡ, dập nát sơn nhựa, chùn cong kim loại chiều hướng từ trước về sau toàn bộ đầu xe dưới phía trước bên phải kích thước (2 x 2,1) m; Vỡ khuyết ba đòn sóc trước, phần nhựa phía trên ba đòn sóc phía trước đầu xe bên phải

Phần đầu xe bên phải tại vị trí cách đất 1,4 m, sát cạnh xe bên phải có dấu vết trượt xước sơn bám dính vụn kính và chất màu vàng xám trên diện (6 x 3) cm; Mặt ngoài ốp nhựa đầu xe tại vị trí cách đất 01 m, cách cạnh bên phải 0,7 m bám dính chất màu vàng xám trên diện (6 x 4) cm; Gãy khuyết cụm gương chiếu hậu bên phải cụm đèn phía trước bên phải (BL 78-79).

* Kết quả giám định:

Tại kết luận số 1033/KL-KTHS ngày 08/6/2023, phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

“1. Dấu vết vỡ nhựa, hằn lõm, trượt xước kim loại, bám dính chất màu đỏ (dạng sơn), hướng từ trước ra sau ở bên phải đầu xe ô tô BKS 15B- 043.17 gồm: cản trước, ốp kim loại đầu xe, cụm đèn trước, cánh cửa trước, kính chắn gió trước (từ ảnh 8 đến ảnh 15 bản ảnh khám nghiệm phương tiện) phù hợp với dấu vết vỡ nhựa, hằn lõm, trượt xước kim loại, dính chất màu đỏ (dạng sơn), hướng từ trước ra sau ở bên phải đầu xe ô tô BKS 15B- 019.10 gồm: cản trước, ốp kim loại đầu xe, kính chắn gió, cụm đèn, cánh cửa trước (từ ảnh 7 đến ảnh 13 bản ảnh khám nghiệm phương tiện).

2. Dấu vết mảnh nhựa vỡ màu đỏ thu tại vị trí ký hiệu số 4 và số 5 được hình thành do gãy vỡ từ cản trước của xe ô tô BKS 15B- 019.10

3. Dấu vết mài trượt mặt đường ký hiệu số 4 được hình thành do quá trình va chạm xe ô tô BKS 15B- 043.17 bị đẩy trượt trên mặt đường tạo nên.

Dấu vết mài trượt màu đen trên mặt đường ký hiệu số 2 và số 3 được hình thành do quá trình xe ô tô BKS 15B- 019.10 bị kéo hoặc đẩy trượt trên mặt đường tạo nên.

4. Vị trí va chạm giữa xe ô tô BKS 15B-043.17 và ô tô BKS 15B- 019.10 trên mặt đường, tại trước điểm đầu dấu vết mài trượt màu đen ký hiệu số 4 (trong diện dấu vết mảnh nhựa màu đỏ và kính vỡ ký hiệu số 5), thuộc phần đường bên phải theo hướng B đi Đồi N.

5. Không xác định được tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra va chạm qua dấu vết cơ học.” (BL 101-102).

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 420/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 30/6/2023, Trung tâm pháp y Hải Phòng - Sở Y kết luận:

“1. Các kết quả chính: Cột 1/3 giữa cẳng chân hai bên, chưa lắp chân giả; Tổn thương trật khớp háng phải đã điều trị, kết quả tốt; Vết xây xước da vùng mặt đã khỏi không để lại dấu vết.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn K, sinh năm 1955 tại thời điểm giám định là 72%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, trong đó:

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do cột 1/3 giữa cẳng chân trái gây nên là 45%.

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do cột 1/3 giữa cẳng chân phải gây nên là 45%.

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương trật khớp háng phải đã điều trị kết quả tốt gây nên là 06%.

+ Vết xây xước da vùng mặt đã khỏi không tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

- Kết luận khác: Các thương tích trên có đặc điểm do va đập đè ép trực tiếp với vật tày gây nên” (BL 116-117).

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 419/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 13/7/2023, Trung tâm pháp y Hải Phòng - Sở Y kết luận:

“1. Các kết quả chính:

- Các vết thương sưng nề bầm tím vùng mũi, xây xước da vùng hàm mặt đã khỏi không để lại dấu vết.

- Tổn thương gãy xương chính mũi đã được phẫu thuật nắn chỉnh xương mũi về vị trí giải phẫu.

- Kết quả hội chẩn xin ý kiến chuyên gia ngày 06/7/2023, số 154/CV-GĐTH-TTPYHP của Trung tâm P kết luận: Không thấy đường vỡ xương chính mũi tại thời điểm chấn thương ngày 09/4/2023.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1981 do tổn thương gãy xương chính mũi đã được phẫu thuật nắn chỉnh về vị trí giải phẫu không ảnh hưởng thờ ời gây nên tại thời điểm giám định là 07%.

+ Các vết sưng nề bầm tím vùng mũi, xây xước da vùng hàm mặt đã khỏi không để lại dấu vết, không tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

- Kết luận khác: Các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên” (BL 119-120).

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 415/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 29/6/2023, Trung tâm pháp y Hải Phòng - Sở Y kết luận:

“1. Các kết quả chính:

Nạn nhân cho biết gãy 01 răng cửa hàm trên đã điều trị tại phòng khám T4. Hiện tại đã lắp 04 răng giả răng cửa hàm trên.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Chí C1, sinh năm 1984 do gãy 01 răng cửa hàm trên gây nên tại thời điểm giám định là 02%.

+ Tổn thương gãy 01 răng cửa hàm trên có phải do vụ tai nạn giao thông ngày 09/4/2023 gây nên hay không đề nghị cơ quan CSĐT làm rõ thêm.

- Kết luận khác: Thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ với vật tày gây nên.” (BL 122-123).

Ngày 28/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L yêu cầu hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L định giá đối với các bộ phận hư hỏng trên các phương tiện trong vụ tai nạn giao thông trên. Tại kết luận định giá tài sản ngày 17/10/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận:

“Tổng giá trị tài sản thiệt hại xe ô tô BKS 15B-043.17 là 182.985.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại xe ô tô BKS 15B-019.10 là 33.320.000 đồng”

Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã căn cứ vào Điểm c, d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Dương Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Dương Văn H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 601 của Bộ luật dân sự.

Buộc anh Trần Văn T2 phải bồi thường cho ông Đào Xuân S 182.985.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 30/5/2024 bị đơn dân sự ông Trần Văn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải bồi thường cho ông Đào Xuân S

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn dân sự ông Trần Văn T2 không thay đổi nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm và trình bày: Ông không đồng ý bồi thường cho ông S, bị cáo H gây tai nạn phải có trách nhiệm bồi thường.

+ Ông Đào Xuân S trình bày: Ông không đồng ý với kháng cáo của ông T2, ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Ông Đào Xuân L trình bày: Thiệt hại mà các ông phải khắc phục còn nhiều hơn số tiền ông T2 phải có trách nhiệm bồi thường, ông không đồng ý với kháng cáo của ông T2.

- Đại diện Viện kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà ông Trần Văn T2 nêu ra, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn dân sự ông Trần Văn T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 589 và 601 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Trần Văn T2 phải bồi thường cho ông Đào Xuân S 182.985.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Về án phí: Ông T2 phải chịu án phí theo quy định.

Ông T2 tranh luận: Không đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ông S, ông L không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn dân sự đã được làm trong thời hạn quy định của pháp luật theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị đơn dân sự ông Trần Văn T2 theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn T2 thì thấy:

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với những bị hại ông Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Minh D, anh Nguyễn Chí C1. Bị cáo H đã đến thăm hỏi, động viên và bồi thường. Những người bị hại trên không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với tài sản bị thiệt hại, ông Đào Xuân S, (chủ xe ô tô BKS 15B-043.17) Tại phiên tòa ông S yêu cầu anh Trần Văn T2 là chủ xe ô tô biển kiểm soát 15B-019.10 phải bồi thường cho ông S theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản 182.985.000 đồng, thì thấy:

Ông Trần Văn T2 là chủ xe ô tô biển kiểm soát 15B-019.10, thuê bị cáo H lái xe theo hợp đồng miệng. Hai bên không thỏa thuận về trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại khi xảy ra tại nạn thuộc về ai.

Tại khoản 2 Điều 601 quy định về Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra như sau: “Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/09/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quy định Về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra quy định tại Điều 601 của Bộ luật Dân sự như sau: “Người được chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, trừ trường hợp giữa chủ sở hữu và người được giao chiếm hữu, sử dụng có thỏa thuận khác không trái pháp luật, đạo đức xã hội hoặc không nhằm trốn tránh việc bồi thường”.

Bị cáo H lái xe là theo sự điều hành chỉ đạo của ông T2 nên ông T2 là chủ sở hữu, nguồn nguy hiểm cao độ (xe ô tô) có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại

theo yêu cầu của ông S là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 601 của Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn dân sự ông Trần Văn T2, giữ nguyên quyết định về trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang như đề nghị của Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T2 không được chấp nhận nên ông T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn dân sự là ông Trần Văn T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 601 Bộ luật dân sự

Buộc ông Trần Văn T2 phải bồi thường cho ông Đào Xuân S 182.985.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

2. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0008331 ngày 15/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận ông T2 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA huyện Lục Nam;
- VKS nhân dân huyện Lục Nam;
- TA nhân dân huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo